

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

**Báo cáo tài chính đã được soát xét
cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017**

Mã số doanh nghiệp: 0303207317



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1-2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán	4-5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7
Thuyết minh báo cáo tài chính	8-24

376
I NH
; TY
M T
3D
. HỒ
TP. H

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc hân hạnh trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cổ phần Điện tử Bình Hòa cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017.

1. Công ty

Công ty cổ phần Điện tử Bình Hòa (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 0303207317 (số cũ là 4103004312) đăng ký lần đầu ngày 7 tháng 2 năm 2006 và thay đổi lần thứ tư vào ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Vốn điều lệ của công ty cổ phần là 29 tỷ VND.

Ngày 26 tháng 5 năm 2017, cổ phiếu của Công ty với mã chứng khoán là VBH đã hủy niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội do kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bị lỗ 3 năm liên tiếp (năm 2014, năm 2015, năm 2016).

Văn phòng và nhà xưởng của Công ty được đặt tại số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Chi nhánh của Công ty được đặt tại Lô 6, Khu công nghiệp Hố Nai, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Trong kỳ tài chính này, hoạt động chủ yếu của Công ty là gia công linh kiện điện tử và cho thuê bất động sản.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc trong kỳ tài chính và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lưu Hoàng Long	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Thành	Phó chủ tịch
Ông Bùi Mạnh Hùng	Thành viên
Ông Trần Hải Minh	Thành viên
Ông Dương Trung Dũng	Thành viên

Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Phước Hiệp	Trưởng ban
Bà Nguyễn Vi Tường Thúy	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Tuyến	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Hà Hữu Quang	Giám đốc
Ông Lê Thanh Hiền	Phó Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán BDO được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017.

5. Công bố trách nhiệm của Ban giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

6. Công bố báo cáo tài chính

Theo ý kiến Ban giám đốc, Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc cùng ngày, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



HA HỮU QUANG
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2017

Số : BINHO/017.HCM.17-SX

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Quý Cổ đông**
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Điện tử Bình Hòa ("Công ty"), được lập ngày 15 tháng 8 năm 2017 từ trang 4 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban giám đốc

Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cổ phần Điện tử Bình Hòa tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.


NGUYỄN THỊ THANH

Phó giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0185-2013-038-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN BDO – CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

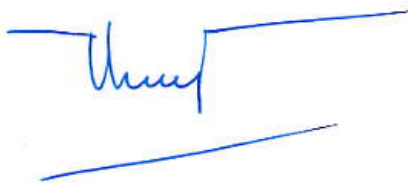
	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		15.113.267.877	18.176.847.749
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	6.503.485.698	3.488.124.681
Tiền	111		5.003.485.698	2.488.124.681
Các khoản tương đương tiền	112		1.500.000.000	1.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.782.184.769	10.393.038.087
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	7.810.854.352	9.006.370.468
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	1.503.518.745
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	4.5	50.000.000	50.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	4.3	6.860.594.842	6.950.749.378
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.4	(7.939.264.425)	(7.117.600.504)
Hàng tồn kho	140	4.6	1.126.520.313	3.572.200.621
Hàng tồn kho	141		1.126.520.313	3.572.200.621
Tài sản ngắn hạn khác	150		701.077.097	723.484.360
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.7	48.651.729	32.058.992
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.14	652.425.368	691.425.368
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.063.741.994	1.141.403.931
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		330.902.063	464.732.763
Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	330.902.063	464.732.763
Nguyên giá	222		21.183.079.716	21.183.079.716
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.852.177.653)	(20.718.346.953)
Tài sản cố định vô hình	227	4.9	-	-
Nguyên giá	228		108.436.107	108.436.107
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(108.436.107)	(108.436.107)
Bất động sản đầu tư	230	4.10	4.097.760	8.195.460
Nguyên giá	231		6.211.957.943	6.211.957.943
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(6.207.860.183)	(6.203.762.483)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.11	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		510.000.000	510.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(510.000.000)	(510.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		728.742.171	668.475.708
Chi phí trả trước dài hạn	261	4.7	728.742.171	668.475.708
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		16.177.009.871	19.318.251.680

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.667.634.966	5.308.557.043
Nợ ngắn hạn	310		844.808.966	4.940.461.443
Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	474.668.795	2.361.441.279
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.13	147.315.304	2.260.588.811
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	4.14	53.413.565	313.556.480
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.15	135.570.000	960.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	4.16	33.841.302	3.914.873
Nợ dài hạn	330		822.826.000	368.095.600
Phải trả dài hạn khác	337	4.16	822.826.000	368.095.600
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	4.17	14.509.374.905	14.009.694.637
Vốn chủ sở hữu	410		14.509.374.905	14.009.694.637
Vốn cổ phần	411		29.000.000.000	29.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		29.000.000.000	29.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		2.310.399.740	2.310.399.740
Lỗi lũy kế	421		(16.801.024.835)	(17.300.705.103)
- các năm trước	421a		(17.300.705.103)	(10.532.280.637)
- kỳ/năm này	421b		499.680.268	(6.768.424.466)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		16.177.009.871	19.318.251.680



LÊ THỊ NGỌC THÙY
Người lập biểu



HOÀNG THỊ ANH LÊ
Kế toán trưởng



HÀ HỮU QUANG
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2017

5767
NH.
TY
M T
3D
HỒ C
TP. H

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		33.191.091.669	46.635.688.330
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10	5.1	33.191.091.669	46.635.688.330
Giá vốn hàng bán	11	5.2	25.501.320.450	43.928.008.023
Lãi gộp	20		7.689.771.219	2.707.680.307
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	80.750.379	131.711.449
Chi phí tài chính	22	5.4	38.678.163	566.736.660
Chi phí bán hàng	25	5.5	1.242.232.412	956.829.325
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	5.997.847.222	7.312.797.857
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		491.763.801	(5.996.972.086)
Thu nhập khác	31		22.647.662	22.716
Chi phí khác	32		14.731.195	135.905.612
Lãi/(lỗ) khác	40		7.916.467	(135.882.896)
Tổng lãi/(lỗ) kế toán trước thuế	50		499.680.268	(6.132.854.982)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.7	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	5.7	-	-
Lãi/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		499.680.268	(6.132.854.982)
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	5.8	172	(2.115)



LÊ THỊ NGỌC THÙY
Người lập biểu



HOÀNG THỊ ANH LÊ
Kế toán trưởng



HÀ HỮU QUANG
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2017

-00-
 NH
 TN
 ĐÁN
 C
 HÍ MII
 00

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

	Mã số	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lãi/(lỗ) trước thuế	01	499.680.268	(6.132.854.982)
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	137.928.400	179.008.709
Các khoản dự phòng	03	821.663.921	1.470.669.006
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	04	(3.619.976)	162.673
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(27.679.422)	(58.500.205)
Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	1.427.973.191	(4.541.514.799)
Giảm các khoản phải thu	09	2.831.809.373	2.945.983.145
Giảm hàng tồn kho	10	2.445.680.308	557.580.418
Giảm các khoản phải trả	11	(3.585.002.077)	(2.642.335.538)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(76.859.200)	125.751.652
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	(15.420.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.043.601.595	(3.569.955.122)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(55.920.000)	(143.528.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	27.679.422	58.500.205
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(28.240.578)	(85.027.795)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	3.015.361.017	(3.654.982.917)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	3.488.124.681	5.592.976.330
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(1.168.248)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	6.503.485.698	1.936.825.165



LÊ THỊ NGỌC THỦY
Người lập biểu



HOÀNG THỊ ANH LÊ
Kế toán trưởng



HÀ HỮU QUANG
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty cổ phần Điện tử Bình Hòa (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 0303207317 (số cũ là 4103004312) đăng ký lần đầu ngày 7 tháng 2 năm 2006 và thay đổi lần thứ tư vào ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Vốn điều lệ của công ty cổ phần là 29 tỷ VND.

Ngày 26 tháng 5 năm 2017, cổ phiếu của Công ty với mã chứng khoán là VBH đã hủy niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội do kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bị lỗ 3 năm liên tiếp (năm 2014, năm 2015, năm 2016).

Văn phòng và nhà xưởng của Công ty được đặt tại số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Chi nhánh của Công ty được đặt tại Lô 6, Khu công nghiệp Hồ Nai, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Trong kỳ tài chính này, hoạt động chủ yếu của Công ty là gia công linh kiện điện tử và cho thuê bất động sản.

Đến ngày 30 tháng 6 năm 2017, tổng số nhân viên của Công ty là 255 người (vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 244 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

3.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong kỳ, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối kỳ tài chính, các tài sản bằng tiền và nợ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái vào ngày này.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ.

3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở thời điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối kỳ tài chính. Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào khoản mục giá vốn hàng bán trong kỳ.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của kỳ hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải	6 - 7 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 6 năm

3.6 Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm giá trị nhà kho và phân xưởng của Công ty được dùng cho thuê theo các hợp đồng thuê hoạt động. Khấu hao bất động sản đầu tư được tính theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 5 năm đến 10 năm.

3.8 Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản phân phối lợi nhuận của công ty liên kết sau ngày đầu tư được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ, các khoản phân phối khác được xem như phân thu hồi các khoản đầu tư và phải ghi giảm giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất đầu tư đối với các khoản còn đầu tư tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

3.9 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng, sửa chữa lớn, phí duy trì tên miền, phí duy trì mail, lưu trữ trang web, phần mềm Microsoft được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong khoảng thời gian từ hai đến năm năm tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Các khoản phải trả và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

3.11 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Doanh thu cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản được ghi nhận theo thời hạn thuê đã được nêu trong hợp đồng thuê hoạt động.

5133
CH
CÔNG
KIẾ
I
TẠI TP.

3.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ tài chính, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

3.13 Các bên có liên quan

Các bên được xem là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba.

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan:

Bên liên quan	Địa điểm	Quan hệ
Tổng Công ty Điện tử Tin học Việt Nam	TP. Hà Nội	Công ty mẹ
Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh	TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên kết
Công ty cổ phần Đầu tư và Ứng dụng Công nghệ mới ("TECCO")	TP. Hồ Chí Minh	Cổ đồng

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền mặt tồn quỹ	448.868.239	536.322.993
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.554.617.459	1.951.801.688
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	1.500.000.000	1.000.000.000
	6.503.485.698	3.488.124.681

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, tiền và các khoản tương đương tiền có gốc ngoại tệ là 161.418,21 USD tương đương 3.664.193.344 VND (vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 7.994,45 USD tương đương 181.474.242 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

4.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Bên liên quan	354.137.948	354.137.948
Bên thứ ba:		
- TDK-Lambda Malaysia SDN BHD	223.019.101	403.780.563
- Tohozinc Co., Ltd	2.708.688.123	2.936.622.387
- Công ty cổ phần Điện tử Thủ Đức 1	650.802.700	650.802.700
- Công ty TNHH Kiến Quang	2.671.677.540	2.671.677.540
- Các khách hàng khác	1.202.528.940	1.989.349.330
	<u>7.810.854.352</u>	<u>9.006.370.468</u>

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, trong số dư phải thu thương mại có gốc ngoại tệ bao gồm 146.288,55 USD tương đương 3.320.750.039 VND.

4.3 Phải thu ngắn hạn khác

		30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Bên liên quan	(a)	1.949.158.918	1.949.158.918
Bên thứ ba:			
- Doanh nghiệp tư nhân TM Ngân Long	(b)	2.570.029.600	2.570.029.600
- Công ty TNHH Kiến Quang	(b)	2.200.000.000	2.200.000.000
- Phải thu khác		141.406.324	231.560.860
		<u>6.860.594.842</u>	<u>6.950.749.378</u>

(a) Đây là các khoản phải thu từ Công ty TECCO và đã được lập dự phòng toàn bộ, trong đó:

- 1.502.658.918 VND là khoản tiền lãi chậm trả;
- 446.500.000 VND là khoản ứng trước theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 11/HĐNT ngày 9 tháng 12 năm 2008 giữa Công ty và TECCO để thực hiện dự án Cao ốc căn hộ - Thương mại dịch vụ - Văn phòng cho thuê tại số 204 Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh và hợp đồng hợp tác kinh doanh này đã ngừng triển khai.

(b) Đây là các khoản ứng trước cho nhà cung cấp từ các năm 2013 và 2014 nhưng hợp đồng không được thực hiện.

005.
NH
(NH)
ẤN
)
I MINH
5CX

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

4.4 Nợ quá hạn và dự phòng phải thu khó đòi

	30/06/2017		01/01/2017	
	Số dư nợ quá hạn VND	trong đó, lập dự phòng VND	Số dư nợ quá hạn VND	trong đó, lập dự phòng VND
Phải thu khách hàng	4.415.469.901	1.880.075.907	2.146.744.789	1.058.411.986
Phải thu khác ngắn hạn	6.719.188.518	6.059.188.518	6.719.188.518	6.059.188.518
	11.134.658.419	7.939.264.425	8.865.933.307	7.117.600.504

Tình hình tăng giảm dự phòng các khoản phải thu khó đòi như sau:

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Năm 2016 VND
Số dư đầu kỳ/năm	7.117.600.504	5.032.797.112
Trích lập dự phòng trong kỳ/năm	821.663.921	2.084.803.392
Số dư cuối kỳ/năm	7.939.264.425	7.117.600.504

4.5 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Bên liên quan	50.000.000	50.000.000

Đây là khoản tiền cho Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh mượn, không lãi suất, không tài sản đảm bảo.

4.6 Hàng tồn kho

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Hàng mua đang đi đường	-	2.098.187.066
Nguyên vật liệu	1.029.729.761	1.325.632.392
Công cụ dụng cụ	90.517.987	148.381.163
Thành phẩm	6.272.565	-
	1.126.520.313	3.572.200.621

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

4.7 Chi phí trả trước

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	9.866.664	28.558.992
Chi phí bảo hiểm	29.685.065	-
Khác	9.100.000	3.500.000
	48.651.729	32.058.992
<i>Dài hạn</i>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	6.784.329	22.084.848
Phí duy trì tên miền, web, chữ ký số, phí bản quyền phần mềm	197.725.803	233.050.807
Hệ thống báo cháy	14.356.248	23.927.082
Sửa chữa lớn chi nhánh Hồ Nai	388.720.237	243.190.749
Nâng cấp máy biến thế	121.155.554	146.222.222
	728.742.171	668.475.708

Tình hình tăng, giảm chi phí trả trước dài hạn như sau:

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Năm 2016 VND
Số dư đầu kỳ/năm	668.475.708	506.017.812
Tăng trong kỳ/năm	238.397.800	419.899.000
Phân bổ trong kỳ/năm	(178.131.337)	(257.441.104)
Số dư cuối kỳ/năm	728.742.171	668.475.708

4.8 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
<i>Nguyên giá</i>						
Ngày 01/01/2017	16.380.187.624	1.420.974.155	2.075.327.551	1.120.190.386	186.400.000	21.183.079.716
Phân loại lại	186.400.000	-	-	-	(186.400.000)	-
Ngày 30/06/2017	16.566.587.624	1.420.974.155	2.075.327.551	1.120.190.386	-	21.183.079.716
<i>G. trị hao mòn lũy kế</i>						
Ngày 01/01/2017	16.231.836.616	1.420.974.155	1.978.189.896	1.087.346.286	-	20.718.346.953
Khấu hao trong kỳ	98.553.700	-	26.492.000	8.785.000	-	133.830.700
Ngày 30/06/2017	16.330.390.316	1.420.974.155	2.004.681.896	1.096.131.286	-	20.852.177.653
<i>Giá trị còn lại</i>						
Ngày 01/01/2017	148.351.008	-	97.137.655	32.844.100	186.400.000	464.732.763
Ngày 30/06/2017	236.197.308	-	70.645.655	24.059.100	-	330.902.063

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 15.954.308.263 VND (31 tháng 12 năm 2016: 15.954.308.263 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

4.9 Tài sản cố định vô hình

	Bản quyền hệ điều hành Microsoft VND
Nguyên giá	
Ngày 01/01/2017	108.436.107
Ngày 30/06/2017	108.436.107
Giá trị hao mòn lũy kế	
Ngày 01/01/2017	108.436.107
Ngày 30/06/2017	108.436.107
Giá trị còn lại	
Ngày 01/01/2017	-
Ngày 30/06/2017	-

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 108.436.107 VND (31 tháng 12 năm 2016: 108.436.107 VND).

4.10 Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Ngày 01/01/2017	6.211.957.943
Ngày 30/06/2017	6.211.957.943
Giá trị hao mòn lũy kế	
Ngày 01/01/2017	6.203.762.483
Tăng trong kỳ	4.097.700
Ngày 30/06/2017	6.207.860.183
Giá trị còn lại	
Ngày 01/01/2017	8.195.460
Ngày 30/06/2017	4.097.760

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, nguyên giá của bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 5.925.967.943 VND (31 tháng 12 năm 2016: 5.925.967.943 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

4.11 Đầu tư vào công ty liên kết

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh	510.000.000	510.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(510.000.000)	(510.000.000)
Giá trị thuần	-	-

Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302720205 đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 9 năm 2002 cho đến thay đổi lần thứ ba vào ngày 20 tháng 8 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, với hoạt động chính là gia công, sản xuất linh kiện điện tử.

Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh chiếm tỷ lệ 30% trên vốn thực góp của công ty này tại ngày 30 tháng 6 năm 2017. Công ty đã xem xét và đánh giá tình hình hoạt động của Công ty Bình Minh và lập dự phòng toàn bộ cho khoản đầu tư này.

4.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Bên thứ ba:		
- TDK Lambda Malaysia SDN BHD	77.407.890	207.334.213
- TCL King Electrical Appliances (Trung Quốc)	373.849.245	607.203.142
- Xin Ying Global Limited	-	1.490.983.924
- Nhà cung cấp khác	23.411.660	55.920.000
	474.668.795	2.361.441.279

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, trong số dự phải trả người bán ngắn hạn có gốc ngoại tệ là 19.818,06 USD tương đương 451.257.135 VND.

4.13 Người mua trả trước ngắn hạn

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty Điện và Điện tử TCL (Việt Nam)	147.315.304	610.108.811
Công ty TNHH Điện và Điện tử Darling	-	1.650.480.000
	147.315.304	2.260.588.811

3376
 CHI NI
 NG T'
 LIỆM
 BĐ
 TP. HỒ
 - TP.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

4.14 Thuế và các khoản nộp/(phải thu) nhà nước

	Số phải nộp/ (phải thu) đầu kỳ VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Số phải nộp/ (phải thu) cuối kỳ VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	313.556.480	330.971.379	(591.114.294)	53.413.565
Thuế giá trị gia tăng nhập khẩu	-	1.043.002.139	(1.043.002.139)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	118.869.123	(118.869.123)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(652.355.907)	-	-	(652.355.907)
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.092.100	(1.092.100)	-
Thuế môn bài	-	4.000.000	(4.000.000)	-
Tiền thuê đất	(39.069.461)	2.039.000.000	(2.000.000.000)	(69.461)
Cộng	(377.868.888)	3.536.934.741	(3.758.077.656)	(599.011.803)
<i>Trong đó:</i>				
Phải nộp	313.556.480			53.413.565
Phải thu	691.425.368			652.425.368

Trong kỳ này, Công ty tạm trích tiền thuê đất tương đương với cùng kỳ năm trước, do Công ty chưa nhận được thông báo chính thức về tiền thuê đất từ Chi cục thuế Bình Thạnh.

4.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Chi phí đào tạo ISO	48.000.000	-
Chi phí sửa chữa và bảo trì xe	28.290.000	-
Thù lao Hội đồng quản trị và lương Ban điều hành	58.400.000	-
Lệ phí hải quan	880.000	960.000
	135.570.000	960.000

4.16 Phải trả khác

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Kinh phí công đoàn	26.738.111	3.914.873
Khác	7.103.191	-
	33.841.302	3.914.873
<i>Dài hạn</i>		
Nhận ký quỹ, ký cược	822.826.000	368.095.600

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

4.17 Vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lỗ lũy kế VND	Cộng VND
Năm trước				
Số dư 01/01/2016	29.000.000.000	2.310.399.740	(10.532.280.637)	20.778.119.103
Lỗ trong năm	-	-	(6.768.424.466)	(6.768.424.466)
Số dư 31/12/2016	29.000.000.000	2.310.399.740	(17.300.705.103)	14.009.694.637
Kỳ này				
Số dư 01/01/2017	29.000.000.000	2.310.399.740	(17.300.705.103)	14.009.694.637
Lãi trong kỳ	-	-	499.680.268	499.680.268
Số dư 30/06/2017	29.000.000.000	2.310.399.740	(16.801.024.835)	14.509.374.905

Cổ phiếu

	30/06/2017	01/01/2017
- Cổ phiếu phổ thông		
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	2.900.000	2.900.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	2.900.000	2.900.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.900.000	2.900.000
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 VND/CP	10.000 VND/CP
- Cổ phiếu ưu đãi: không có		

4.18 Tài sản nhận giữ hộ

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty còn nhận giữ hộ máy móc thiết bị để gia công cho các khách hàng TDK-Lambda Malaysia SDN.BHD với giá trị ban đầu là 613.034,24 USD; và Tohozinc Co., Ltd. với giá trị ban đầu là 30.206.008 JPY và 63.198,00 USD. Trong đó, nguyên giá máy móc thiết bị đã nhận giữ hộ trên 5 năm (từ năm 2012 trở về trước) là 676.232,24 USD và 28.513.806 JPY.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Doanh thu thành phẩm - xuất khẩu	14.387.898.296	13.031.138.211
Doanh thu thành phẩm - nội địa	11.486.304.018	26.986.827.232
Doanh thu khác	7.316.889.355	6.617.722.887
Doanh thu thuần	33.191.091.669	46.635.688.330



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

5.2	Giá vốn hàng bán	Từ 01/01/2017	Từ 01/01/2016
		đến 30/06/2017	đến 30/06/2016
		VND	VND
	Giá vốn thành phẩm	23.443.123.413	40.567.407.788
	Giá vốn khác	2.058.197.037	3.360.600.235
		25.501.320.450	43.928.008.023
5.3	Doanh thu hoạt động tài chính	Từ 01/01/2017	Từ 01/01/2016
		đến 30/06/2017	đến 30/06/2016
		VND	VND
	Lãi tiền gửi ngân hàng	27.679.422	58.500.205
	Lãi do chênh lệch tỷ giá	53.070.957	73.211.244
		80.750.379	131.711.449
5.4	Chi phí tài chính	Từ 01/01/2017	Từ 01/01/2016
		đến 30/06/2017	đến 30/06/2016
		VND	VND
	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	510.000.000
	Lỗ do chênh lệch tỷ giá	38.678.163	56.736.660
		38.678.163	566.736.660
5.5	Chi phí bán hàng	Từ 01/01/2017	Từ 01/01/2016
		đến 30/06/2017	đến 30/06/2016
		VND	VND
	Chi phí vật liệu bao bì	1.086.666.171	732.126.869
	Chi phí xuất hàng	151.417.282	221.702.456
	Hoa hồng môi giới	3.000.000	3.000.000
	Chi phí khác	1.148.959	-
		1.242.232.412	956.829.325

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

5.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.682.036.452	2.867.723.253
Chi phí đồ dùng văn phòng	153.866.692	214.587.096
Khấu hao tài sản cố định	29.658.600	30.292.000
Tiền thuê đất	1.077.787.500	1.443.531.365
Thuế, phí và lệ phí	91.906.867	125.935.176
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	149.557.778	119.859.090
Chi phí tiếp khách	185.379.062	141.455.670
Chi phí điện thoại	36.065.815	69.442.950
Chi phí trợ cấp thôi việc	408.222.000	1.280.413.000
Công tác phí	21.035.357	91.762.765
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	821.663.921	445.669.006
Các chi phí khác	340.667.178	482.126.486
	5.997.847.222	7.312.797.857

5.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lãi/(Lỗ) kế toán trước thuế	499.680.268	(6.132.854.982)
Cộng: chi phí không được trừ	81.500.000	617.452.000
Được chuyển lỗ	(581.180.268)	-
Lãi/(Lỗ) tính thuế	-	(5.515.402.982)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, các khoản lỗ tính thuế được trừ vào thu nhập chịu thuế của những năm sau và thời gian chuyển lỗ không quá 5 năm.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có khoản lỗ lũy kế có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai như sau :

Năm	Được chuyển lỗ đến năm	Số lỗ được chuyển VND	Lỗ đã sử dụng đến 30/06/2017 VND	Chuyển lỗ chưa sử dụng đến 30/06/2017 VND
2014	2019	(4.647.911.249)	581.180.268	(4.066.730.981)
2015	2020	(5.341.625.085)	-	(5.341.625.085)
2016	2021	(6.527.294.344)	-	(6.527.294.344)
		(16.516.830.678)	581.180.268	(15.935.650.410)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, tài sản thuế hoãn lại của khoản lỗ chưa sử dụng không ghi nhận bởi Công ty chưa dự kiến được lợi nhuận trong tương lai có thể sử dụng được tài sản thuế hoãn lại này.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

5.8 Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	Từ 01/01/2017	Từ 01/01/2016
	đến 30/06/2017	đến 30/06/2016
Lãi/(lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	499.680.268	(6.132.854.982)
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phần)	2.900.000	2.900.000
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	172	(2.115)

5.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Từ 01/01/2017	Từ 01/01/2016
	đến 30/06/2017	đến 30/06/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	13.086.948.710	28.820.526.727
Chi phí nhân công	11.770.217.729	12.361.149.366
Chi phí khấu hao tài sản cố định	137.928.400	179.008.709
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	821.663.921	445.669.006
Các chi phí khác	6.930.913.889	10.773.232.845
	32.747.672.649	52.579.586.653

6. THÔNG TIN BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh tại thuyết minh mục số 5.1-Doanh thu và 5.2-Giá vốn hàng bán.

Công ty không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý.

3337
 CHI N
 NG T
 IỂM
 B D
 P. HỒ
 TP. H

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính :

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngân hàng phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	6.503.485.698	3.488.124.681	6.503.485.698	3.488.124.681
Phải thu khách hàng	5.930.778.445	7.947.958.482	5.930.778.445	7.947.958.482
Các khoản phải thu khác	660.000.000	660.000.000	660.000.000	660.000.000
	13.094.264.143	12.096.083.163	13.094.264.143	12.096.083.163
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	474.668.795	2.361.441.279	474.668.795	2.361.441.279
Chi phí phải trả	76.290.000	-	76.290.000	-
Các khoản phải trả khác	822.826.000	368.095.600	822.826.000	368.095.600
	1.373.784.795	2.729.536.879	1.373.784.795	2.729.536.879

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và ngày 1 tháng 1 năm 2017. Tuy nhiên Ban Giám đốc ước tính giá trị hợp lý của những tài sản và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

Công ty có thể gặp phải các rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường: Hoạt động của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá và rủi ro về biến động giá.

Rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái có liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công ty không chịu ảnh hưởng đáng kể về rủi ro tỷ giá.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có các khoản tài sản/ (nợ phải trả) tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau :

	USD
Tiền và tương đương tiền	161.418,21
Phải thu khách hàng	146.288,55
Phải trả người bán	(19.818,06)
Tài sản thuần	287.888,70

Công ty chịu rủi ro về giá do thực hiện mua nguyên liệu cho sản xuất gia công. Công ty quản lý rủi ro về giá thông qua việc theo dõi thông tin thị trường nhằm quản lý thời gian mua hàng phù hợp tiến độ sản xuất, gia công và mức độ hàng tồn kho.

17-002
 HÁNH
 Y TNH
 TOÁN
 O
 HÍ MINH
 O CHỈ

7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng giao dịch không thực hiện được các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng), tuy nhiên:

Về phải thu khách hàng: Công ty có chính sách tín dụng phù hợp, thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được và tích cực đốc thúc thu hồi các khoản nợ quá hạn mà đã phát sinh trước đây.

Tiền gửi ngân hàng: Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng có uy tín tại Việt Nam.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn, chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý tính thanh khoản thông qua việc duy trì lượng tiền mặt và tương đương tiền ở mức mà Ban giám đốc cho là đủ đáp ứng cho nhu cầu hoạt động của Công ty và giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động này.

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC

8.1 Giao dịch và số dư với các bên có liên quan

Trong kỳ, các nghiệp vụ phát sinh với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Công ty CP Thương mại Dịch vụ Bình Minh	Doanh thu dịch vụ Chi phí gia công	5.016.000 -	33.748.482 433.793.875

Vào ngày kết thúc kỳ tài chính, số dư các khoản phải thu với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty CP Thương mại Dịch vụ Bình Minh	Phải thu thương mại Phải thu về cho vay	354.137.948 50.000.000	354.137.948 50.000.000
Công ty CP Đầu tư và Ứng dụng Công nghệ mới (TECCO)	Phải thu khác (thuyết minh 4.3)	1.949.158.918	1.949.158.918

Thủ lao cho nhân sự chủ chốt trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lương, thưởng và phụ cấp	334.204.000	242.785.000



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

8.2 Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại số 204 Nơ Trang Long, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh để làm văn phòng, kho và nhà xưởng sản xuất và thuê đất tại Khu công nghiệp Hố Nai, xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai để làm nhà máy sản xuất. Tổng số tiền thuê tối thiểu phải trả hàng năm trong tương lai cho hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau :

	Trong vòng 1 năm VND	Từ 2 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Số 204 Nơ Trang Long, Bình Thạnh, Tp.HCM	4.277.457.130	10.693.642.825	-	14.971.099.955
Khu công nghiệp Hố Nai, tỉnh Đồng Nai	251.759.921	1.007.039.682	6.776.537.860	8.035.337.463
	4.529.217.051	11.700.682.507	6.776.537.860	23.006.437.418

8.3 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính.



LÊ THỊ NGỌC THỦY
Người lập biểu



HOÀNG THỊ ANH LÊ
Kế toán trưởng



HÀ HỮU QUANG
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2017